

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG  
SÓC TRĂNG**

**Báo cáo tài chính đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015**

## MỤC LỤC

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	1 – 2
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	3 – 4
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
Bảng cân đối kế toán	5 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 – 31



CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SÓC TRĂNG  
Số 845 đường Phạm Hùng, phường 8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng  
**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

---

Hội đồng Quản trị hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Cổ Phần Mía Đường Sóc Trăng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015.

**1. Công ty**

Công ty Cổ Phần Mía Đường Sóc Trăng ("Công ty") là công ty cổ phần Nhà nước được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 351/QĐ-HC ngày 08 tháng 04 năm 2005 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Sóc Trăng và được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2200107515 vào ngày 17 tháng 12 năm 2008 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 5 số 2200107515 vào ngày 10 tháng 10 năm 2014.

Văn phòng của Công ty được đặt số 845 đường Phạm Hùng, phường 8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Trong năm tài chính 2015, hoạt động chính của Công ty bao gồm các ngành nghề sau:

- Dịch vụ đầu tư trồng và thu mua mía;
- Sản xuất, mua bán, xuất nhập khẩu trực tiếp đường và các sản phẩm ngành mía đường;
- Sản xuất, mua bán phân bón;
- Sản xuất, mua bán nước tinh lọc.
- Mua bán, xuất nhập khẩu trực tiếp vật tư, thiết bị, phụ tùng... phục vụ sản xuất đường và trồng mía;
- Sản xuất và kinh doanh điện.

**2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm tài chính này và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Chung Thanh Tâm	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thanh Nhân	Phó Chủ tịch
Ông Quốc Hồ Đình Tuấn	Thành viên
Ông Cổ Trí Dũng	Thành viên/Từ nhiệm ngày 01/07/2015
Bà Trần Thị Thái	Thành viên

**Ban kiểm soát**

Bà Trần Mộng Ngọc	Trưởng ban kiểm soát
Ông Phạm Như Hóa	Kiểm soát viên
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Kiểm soát viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Văn Bình	Quyền Tổng Giám đốc/Bổ nhiệm ngày 01/07/2015
Ông Cổ Trí Dũng	Tổng Giám đốc/Từ nhiệm ngày 01/07/2015
Ông Phạm Hoàng Hợp	Phó Tổng Giám đốc/Bổ nhiệm ngày 01/07/2015

**3. Đánh giá tình hình kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

**4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

**5. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam – chi nhánh Cần Thơ được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015.

**6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu:

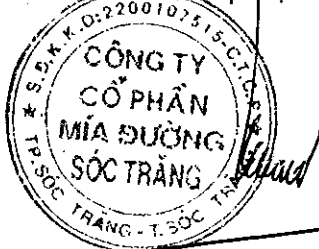
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**7. Phê duyệt các báo cáo tài chính**

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**Ông CHUNG THANH TÂM**  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Sóc Trăng, ngày 30 tháng 7 năm 2015

Số: 018/2015/BCKT-CT.009

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý cổ đông  
Các thành viên Hội đồng Quản trị  
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ Phần Mía Đường Sóc Trăng**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ Phần Mía Đường Sóc Trăng, được lập ngày 30 tháng 7 năm 2015, từ trang 5 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Mía Đường Sóc Trăng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã nêu tại mục 4.8 của Thuyết minh báo cáo tài chính, tổng giá trị quyền sử dụng đất với giá trị 8.590.813.000 VND chưa được chuyển tên sang Công ty Cổ phần Mía đường Sóc Trăng.



**TRẦN ĐẮC NHA**

Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2013-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM – CHI NHÁNH CẦN THƠ

Thành phố Cần Thơ, ngày 30 tháng 7 năm 2015

**NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH**

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0600-2013-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SÓC TRĂNG

Số 845 đường Phạm Hùng, phường 8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 6 năm 2015

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015 VND	01/07/2014 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>43.171.586.482</b>	<b>61.347.500.223</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	4.1	<b>5.303.082.014</b>	<b>9.400.600.087</b>
Tiền	111		5.303.082.014	2.400.600.087
Các khoản tương đương tiền	112		-	7.000.000.000
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
Dự phòng giảm giá CK đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>27.355.431.043</b>	<b>25.642.546.427</b>
Phải thu khách hàng	131	4.2	28.123.729.851	20.332.144.874
Trả trước cho người bán	132	4.3	7.244.995.757	13.189.343.303
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Các khoản phải thu khác	135	4.4	1.462.767.083	1.463.452.148
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	4.5	(9.476.061.648)	(9.342.393.898)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>10.047.316.481</b>	<b>25.990.679.579</b>
Hàng tồn kho	141	4.6	10.287.291.187	25.990.679.579
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(239.974.706)	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>465.756.944</b>	<b>313.674.130</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		116.533.944	124.387.030
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		349.223.000	189.287.100

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SÓC TRĂNG

Số 845 đường Phạm Hùng, phường 8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 6 năm 2015

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015 VND	01/07/2014 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>196.065.046.892</b>	<b>156.287.760.567</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>72.000.000</b>	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	4.2	72.000.000	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
Phải thu dài hạn khác	218		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>193.930.818.734</b>	<b>155.259.715.127</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	131.614.767.069	145.567.350.258
Nguyên giá	222		318.479.593.408	319.166.910.137
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(186.864.826.339)	(173.599.559.879)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	4.8	7.635.372.748	8.164.540.689
Nguyên giá	228		12.792.991.408	13.042.991.408
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.157.618.660)	(4.878.450.719)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	4.9	54.680.678.917	1.527.824.180
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
Nguyên giá	241		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>718.590.000</b>	<b>718.590.000</b>
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	4.10	718.590.000	718.590.000
Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		-	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.343.638.158</b>	<b>309.455.440</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261		161.036.456	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	4.11	1.182.601.702	309.455.440
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>239.236.633.374</b>	<b>217.635.260.790</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SÓC TRĂNG

Số 845 đường Phạm Hùng, phường 8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 6 năm 2015

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015 VND	01/07/2014 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>133.315.268.643</b>	<b>104.455.570.694</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>71.146.653.152</b>	<b>54.646.088.198</b>
Vay và nợ ngắn hạn	311	4.12	37.654.146.740	12.107.200.000
Phải trả cho người bán	312	4.13	5.425.459.822	677.476.263
Người mua trả tiền trước	313	4.14	3.232.471.585	819.471.618
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	4.15	3.643.691.247	8.043.926.967
Phải trả công nhân viên	315		1.896.926.518	1.847.626.582
Chi phí phải trả	316	4.16	1.822.576.327	8.482.514.702
Phải trả nội bộ	317		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	4.17	9.637.606.389	16.866.414.394
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	4.18	4.506.392.875	319.380.623
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	4.19	3.327.381.649	5.482.077.049
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>62.168.615.491</b>	<b>49.809.482.496</b>
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Phải trả dài hạn khác	333	4.20	6.000.000.000	8.500.000.000
Vay và nợ dài hạn	334	4.21	55.279.135.921	40.413.883.926
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339	4.22	889.479.570	895.598.570
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>105.921.364.731</b>	<b>113.179.690.096</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	4.23	<b>105.921.364.731</b>	<b>113.179.690.096</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		40.000.000.000	40.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
Cổ phiếu quỹ	414		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		37.005.335.406	29.623.539.901
Quỹ dự phòng tài chính	418		9.639.832.356	7.179.233.854
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		19.276.196.969	36.376.916.341
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>239.236.633.374</b>	<b>217.635.260.790</b>

002-  
UHAN  
N  
NAM  
NH  
3  
CÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SÓC TRĂNG

Số 845 đường Phạm Hùng, phường 8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 6 năm 2015

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	30/06/2015	01/07/2014
Tài sản thuê ngoài		155.444.318	155.444.318
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
Nợ khó đòi đã xử lý		5.140.198.321	5.140.198.321
Ngoại tệ các loại		-	-
Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

**NGUYỄN XUÂN CƯỜNG**  
Người lập biểu

**MAI HOÀNG PHÚC**  
Kế toán trưởng



**NGUYỄN VĂN BÌNH**  
@. Tổng Giám đốc  
Sóc Trăng, ngày 30 tháng 7 năm 2015



CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SÓC TRĂNG

Số 845 đường Phạm Hùng, phường 8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	5.1	<b>468.801.823.476</b>	<b>579.113.587.976</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.1	152.057.020	41.334.407
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>10</b>	5.1	<b>468.649.766.456</b>	<b>579.072.253.569</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	5.2	<b>431.418.175.927</b>	<b>520.056.666.114</b>
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>20</b>		<b>37.231.590.529</b>	<b>59.015.587.455</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	557.345.144	1.014.038.170
Chi phí tài chính	22	5.4	4.858.639.483	9.505.314.951
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		3.806.601.263	6.144.728.348
Chi phí bán hàng	24	5.5	2.727.157.372	5.549.851.215
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.6	11.973.957.435	15.015.487.450
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>18.229.181.383</b>	<b>29.958.972.009</b>
Thu nhập khác	31	5.7	2.040.315.395	1.969.054.963
Chi phí khác	32	5.8	1.293.673.723	889.889.585
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>746.641.672</b>	<b>1.079.165.378</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>18.975.823.055</b>	<b>31.038.137.387</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.9	5.017.813.732	5.497.286.857
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	5.10	(873.146.262)	418.865.513
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>14.831.155.585</b>	<b>25.121.985.017</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.11	3.708	6.280



**NGUYỄN XUÂN CƯỜNG**  
Người lập biểu





**MAI HOÀNG PHÚC**  
Kế toán trưởng

**NGUYỄN VĂN BÌNH**  
Q. Tổng Giám đốc

Sóc Trăng, ngày 30 tháng 7 năm 2015

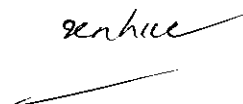
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

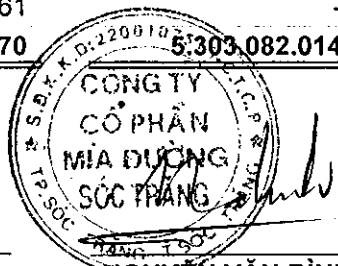
	Mã số	2015 VND	2014 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
Lợi nhuận trước thuế	01	18.975.823.055	31.038.137.387
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	15.101.938.601	15.143.697.256
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	373.642.456	1.985.093.916
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	68.410.113	(847.419.228)
Chi phí lãi vay	06	3.806.601.263	6.144.728.348
<b>Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>38.326.415.488</b>	<b>53.464.237.679</b>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(2.078.488.266)	(17.796.748.837)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	15.703.388.392	2.447.312.752
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	(9.386.944.479)	(14.543.414.488)
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	(153.183.370)	(124.387.030)
Tiền lãi vay đã trả	13	(3.806.601.263)	(6.262.102.183)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(7.794.388.330)	(4.696.618.773)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(6.744.176.350)	(12.442.419.040)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>24.066.021.822</b>	<b>45.860.080</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(49.571.690.936)	(7.746.109.376)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	427.272.727	1.818.181.818
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	557.345.144	1.152.585.639
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(48.587.073.065)</b>	<b>(4.775.341.919)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu	32	-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	138.023.289.778	138.334.472.097
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(97.611.091.043)	(151.441.672.097)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(19.988.665.565)	(9.979.746.576)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>20.423.533.170</b>	<b>(23.086.946.576)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>	<b>50</b>	<b>(4.097.518.073)</b>	<b>(27.816.428.415)</b>
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ</b>	<b>60</b>	<b>9.400.600.087</b>	<b>37.217.028.502</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ</b>	<b>70</b>	<b>5.303.082.014</b>	<b>9.400.600.087</b>



**NGUYỄN XUÂN CƯỜNG**  
Người lập biểu



**MAI HOÀNG PHÚC**  
Kế toán trưởng



**NGUYỄN VĂN BÌNH**  
Q. Tổng Giám đốc

Sóc Trăng, ngày 30 tháng 7 năm 2015

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Công ty Cổ Phần Mía Đường Sóc Trăng ("Công ty") là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 351/QĐ-HC ngày 08 tháng 04 năm 2005 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Sóc Trăng và được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2200107515 vào ngày 17 tháng 12 năm 2008 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 5 số 2200107515 vào ngày 10 tháng 10 năm 2014.

Văn phòng của Công ty được đặt số 845 đường Phạm Hùng, phường 8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Trong năm tài chính 2015, hoạt động chính của Công ty bao gồm các ngành nghề sau:

- Dịch vụ đầu tư trồng và thu mua mía;
- Sản xuất, mua bán, xuất nhập khẩu trực tiếp đường và các sản phẩm ngành mía đường;
- Sản xuất, mua bán phân bón;
- Sản xuất, mua bán nước tinh lọc;
- Mua bán, xuất nhập khẩu trực tiếp vật tư, thiết bị, phụ tùng... phục vụ sản xuất đường và trồng mía;
- Sản xuất và kinh doanh điện;
- Kinh doanh bất động sản.

Công ty có 01 Công ty liên kết và các đơn vị trực thuộc:

### Công ty liên kết:

Công ty Cổ Phần Vận Tải Mía Đường Sóc Trăng ở đường Phạm Hùng, phường 8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Công ty này đang thực hiện các thủ tục để chuẩn bị giải thể.

### Các đơn vị trực thuộc:

Cửa Hàng Giới Thiệu và Tiêu Thụ Sản Phẩm Sóc Trăng - Số 360, Lý Thường Kiệt, phường 4, Thành phố Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng.

Trạm Mía Giống Cù Lao Dung – ấp Văn Sáu, xã Đại Ân 1, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

Trạm Nông vụ Cù Lao Dung – đường Đoàn Phước Trung, ấp Phước Hòa B, thị trấn Cù Lao Dung, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

Cửa Hàng Giới Thiệu và Tiêu Thụ Sản Phẩm Ngã Bảy – số 898 Hùng Vương, phường Ngã Bảy, thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang.

Đến ngày 30 tháng 06 năm 2015, tổng số nhân viên của Công ty là 383 người, (30/06/2014: 400 người).

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND"), được lập theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc. Các chính sách kế toán được Công ty áp dụng nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán đã được sử dụng trong những năm trước.

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 1 tháng 7 và kết thúc vào ngày 30 tháng 6 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là VND.

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán.

#### 3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời,...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### 3.4 Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

##### Tài sản cố định hữu hình

Nhà cửa, vật kiến trúc

10 – 30 năm

Máy móc, thiết bị

10 – 12 năm

75-00  
CÔNG TY  
HỮU  
HẠN  
TÊN  
ÁNH  
HƯ  
TP.C

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015

Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	08 năm
<b>Tài sản cố định vô hình</b>	
Quyền sử dụng đất có thời hạn	20 năm
Phần mềm kế toán	08 năm

### 3.5 Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là chi phí xây dựng các công trình chưa hoàn thành và không trích khấu hao trong suốt giai đoạn đầu tư xây dựng dở dang.

### 3.6 Các khoản đầu tư tài chính

Nguyên tắc xác định giá trị của các khoản đầu tư dài hạn được ghi nhận theo giá gốc.

### 3.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước là các chi phí công cụ dụng cụ phát sinh, chi phí bảo hiểm và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở xuống. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước ngắn hạn và được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng từ một năm trở xuống theo các quy định kế toán hiện hành.

### 3.8 Các khoản phải trả và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

### 3.9 Tiền lương

Quỹ lương được thực hiện theo kế hoạch phân phối tiền lương vụ sản xuất 2014-2015 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số: 01/NQ-HĐQT.2015 ngày 23/01/2015. Tổng quỹ lương trong năm được tính trên tổng sản lượng đường sản xuất trong năm nhân với đơn giá tiền lương.

### 3.10 Các khoản trích theo lương

Bảo hiểm xã hội được trích trên tiền lương cơ bản theo hợp đồng lao động vào chi phí là 18% và trừ lương cán bộ công nhân viên là 8%.

Bảo hiểm y tế được trích trên lương cơ bản vào chi phí là 3% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1,5%.

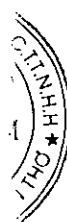
Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương cơ bản vào chi phí là 1% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1%.

### 3.11 Doanh thu

#### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:  
(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;  
(b) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;  
(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán; và  
(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

### **3.12 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ khi chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa). Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

### **3.13 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế có liên quan sẽ được thực hiện.

### **3.14 Các bên có liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là liên quan nếu cùng được kiểm soát hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể của một bên thứ ba.



CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SÓC TRĂNG  
Số 845 đường Phạm Hùng, phường 8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015

Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên có liên quan:

Tổ chức	Địa điểm	Quan hệ
Tổng Công ty Đầu Tư và Kinh Doanh Vốn Nhà Nước	Việt Nam	Cổ đồng sáng lập
Công ty Cổ Phần Mía Đường Cần Thơ	Việt nam	Cổ đồng sáng lập
Công ty TNHH Kim Hà Việt	Việt nam	Cổ đồng sáng lập
Công ty Cổ Phần Vận Tải Mía Đường Sóc Trăng	Việt Nam	Công ty liên kết

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2015 VND	01/07/2014 VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	175.314.000	88.552.000
Tiền gửi ngân hàng - VND	5.127.768.014	2.312.048.087
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng - VND	-	7.000.000.000
	<b>5.303.082.014</b>	<b>9.400.600.087</b>

**4.2 Các khoản phải thu thương mại**

**Các khoản phải thu thương mại ngắn hạn**

	30/06/2015 VND	01/07/2014 VND
Phải thu thương mại - Bên liên quan	26.959.671.867	7.089.353.783
Phải thu thương mại - Bên thứ ba	1.164.057.984	13.242.791.091
	<b>(*) 28.123.729.851</b>	<b>20.332.144.874</b>

**Các khoản phải thu thương mại dài hạn**

	30/06/2015 VND	01/07/2014 VND
Phải thu thương mại - Bên liên quan	-	-
Phải thu thương mại - Bên thứ ba	72.000.000	-
	<b>(*) 72.000.000</b>	<b>-</b>

(\*) Các khoản phải thu tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 được dùng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

**4.3 Trả trước cho người bán**

	30/06/2015 VND	01/07/2014 VND
Trả trước cho người bán - Bên liên quan	-	-
Trả trước cho người bán - Bên thứ ba	7.244.995.757	13.189.343.303
	<b>7.244.995.757</b>	<b>13.189.343.303</b>

**4.4 Các khoản phải thu khác**

		30/06/2015 VND	01/07/2014 VND
Phải thu bồi thường cầu trục sân mía (*)		1.406.615.636	1.406.615.636
Phải thu khác		56.151.447	56.836.512
		<b>1.462.767.083</b>	<b>1.463.452.148</b>

(\*) Khoản phải thu này Công ty đang làm hồ sơ để tòa án xét xử bồi thường đơn vị gây thiệt hại cầu trục sân mía.

**4.5 Biến động trong năm của dự phòng phải thu khó đòi**

	2015 VND	2014 VND
Số dư đầu năm	(9.342.393.898)	(7.357.299.982)
Tăng dự phòng trong năm	(133.667.750)	(1.985.093.916)
Số dư cuối năm	<b>(9.476.061.648)</b>	<b>(9.342.393.898)</b>

**4.6 Hàng tồn kho**

	30/06/2015 VND	01/07/2014 VND
Nguyên liệu, vật liệu	9.238.424.760	5.842.425.452
Công cụ, dụng cụ	56.407.797	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	747.421.910	291.960.192
Thành phẩm	218.320.452	19.587.677.085
Hàng hóa	26.716.268	268.616.850
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>10.287.291.187</b>	<b>25.990.679.579</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(239.974.706)	-
<b>Giá trị thuần</b>	<b>10.047.316.481</b>	<b>25.990.679.579</b>

**4.7 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Vào ngày 01/07/2014	78.495.641.368	234.541.023.984	5.159.382.834	970.861.951	319.166.910.137
Mua trong năm	-	1.489.000.000	-	184.215.455	1.673.215.455
Giảm do thanh lý	-	(1.927.546.950)	(432.985.234)	-	(2.360.532.184)
Vào ngày 30/06/2015	<b>78.495.641.368</b>	<b>234.102.477.034</b>	<b>4.726.397.600</b>	<b>1.155.077.406</b>	<b>318.479.593.408</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Vào ngày 01/07/2014	51.981.415.561	118.704.494.648	2.290.885.914	622.763.756	173.599.559.879
Khấu hao trong năm	2.903.266.320	11.150.309.063	496.308.556	90.254.401	14.640.138.340
Giảm do thanh lý	-	(1.011.177.154)	(363.694.726)	-	(1.374.871.880)
Vào ngày 30/06/2015	<b>54.884.681.881</b>	<b>128.843.626.557</b>	<b>2.423.499.744</b>	<b>713.018.157</b>	<b>186.864.826.339</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SÓC TRĂNG**

Số 845 đường Phạm Hùng, phường 8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Giá trị còn lại</b>					
Vào ngày 01/07/2014	26.514.225.807	115.836.529.336	2.868.496.920	348.098.195	145.567.350.258
Vào ngày 30/06/2015	23.610.959.487	105.258.850.477	2.302.897.856	442.059.249	<b>131.614.767.069</b>

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30/06/2015 có các tài sản có nguyên giá 15.527.795.525 VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (30/06/2014: 13.517.792.904 VND).

Tại ngày 30/06/2015 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 80.162.647.770 VND (30/06/2014: 89.156.750.994 VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

**4.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>				
Vào ngày 01/07/2014	11.619.162.886	1.173.828.522	250.000.000	13.042.991.408
Thanh lý	-	-	(250.000.000)	(250.000.000)
Vào ngày 30/06/2015	11.619.162.886	1.173.828.522	-	<b>12.792.991.408</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Vào ngày 01/07/2014	4.127.978.323	569.923.409	180.548.987	4.878.450.719
Khấu hao trong năm	312.988.368	146.728.560	2.083.333	461.800.261
Thanh lý	-	-	(182.632.320)	(182.632.320)
Vào ngày 30/06/2015	4.440.966.691	716.651.969	-	<b>5.157.618.660</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Vào ngày 01/07/2014	7.491.184.563	603.905.113	69.451.013	8.164.540.689
Vào ngày 30/06/2015	7.178.196.195	457.176.553	-	<b>7.635.372.748</b>

Tại ngày 30/06/2015 tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại là 724.419.653 VND (30/06/2014: 856.230.029 VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

(\*) Tại ngày 30/06/2015 tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất có giá trị nguyên giá là 8.590.813.061 VND chưa được cấp quyền sử dụng đất mang tên Công ty.

**4.9 Xây dựng cơ bản dở dang**

	2015 VND	2014 VND
Số dư đầu năm	1.527.824.180	4.008.344.430
Tăng trong năm	53.152.854.737	4.998.610.778
Giảm trong năm	-	(7.479.131.028)
Số dư cuối năm	<b>54.680.678.917</b>	<b>1.527.824.180</b>

**Chi tiết các công trình xây dựng cơ bản dở dang:**

	30/06/2015 VND	01/07/2014 VND
Dự án mở rộng sản xuất	280.000.000	280.000.000
Móng bồn mặt rĩ	795.000.000	795.000.000
Dự án Nhà Máy Nhiệt Điện	53.085.792.922	164.455.180
Dự án xay xát lúa gạo	230.000.000	230.000.000
Sửa chữa lớn tài sản cố định	289.885.995	58.369.000
	<b>54.680.678.917</b>	<b>1.527.824.180</b>

**4.10 Đầu tư vào công ty liên kết**

	30/06/2015			01/07/2014		
	VND	Tỷ lệ (%)	Số cp	VND	Tỷ lệ (%)	Số cp
Công ty Cổ Phần Vận Tải Mía Đường Sóc Trăng	718.590.000	42,31	6.347	718.590.000	42,31	6.347

Công ty Cổ phần Vận tải Mía đường Sóc Trăng đang thực hiện các thủ tục để chuẩn bị giải thể.

**4.11 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	2015 VND	2014 VND
Số dư đầu năm	309.455.440	728.320.953
Số phát sinh	901.278.575	309.455.440
Số hoãn nhập	(28.132.313)	(728.320.953)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.182.601.702</b>	<b>309.455.440</b>

**4.12 Vay và nợ ngắn hạn**

	30/06/2015 VND	01/07/2014 VND
Vay ngắn hạn (*)	21.693.739.313	-
Nợ vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 4.20)	15.960.407.427	12.107.200.000
	<b>37.654.146.740</b>	<b>12.107.200.000</b>

(\*) Đây là khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng VCB chi nhánh Sóc Trăng, lãi suất 5,2%/năm, không có tài sản đảm bảo.

**4.13 Phải trả người bán**

	30/06/2015 VND	01/07/2014 VND
Phải trả người bán – Bên liên quan	10.487.625	31.582.006
Phải trả người bán – Bên thứ ba	5.414.972.197	645.894.257
	<b>5.425.459.822</b>	<b>677.476.263</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SÓC TRĂNG  
Số 845 đường Phạm Hùng, phường 8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015

**4.14 Người mua trả tiền trước**

	30/06/2015 VND	01/07/2014 VND
Người mua trả tiền trước – Bên liên quan	-	-
Người mua trả tiền trước – Bên thứ ba	3.232.471.585	819.471.618
	<b>3.232.471.585</b>	<b>819.471.618</b>

**4.15 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	30/06/2015 VND	01/07/2014 VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	3.011.097.694	4.406.014.734
Thuế thu nhập doanh nghiệp	611.321.139	3.387.895.737
Thuế thu nhập cá nhân	21.272.414	241.772.945
Thuế tài nguyên	-	1.669.733
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	6.573.818
	<b>3.643.691.247</b>	<b>8.043.926.967</b>

**4.16 Chi phí phải trả**

	30/06/2015 VND	01/07/2014 VND
Chi phí lãi tiền nhận ký quỹ	31.666.666	94.645.831
Chi phí ban chỉ đạo mía đường	311.000.000	499.500.000
Chi phí công tác nước ngoài	1.050.240.000	1.406.950.000
Chi phí nguyên liệu	429.669.661	808.006.661
Chi phí thuê đất nhà nước	-	629.229.384
Chi phí nạo vét bề lảng tro + cảng lên mía	-	260.123.500
Chi phí phải trả khác	-	4.784.059.326
	<b>1.822.576.327</b>	<b>8.482.514.702</b>

**4.17 Phải trả phải nộp khác**

	30/06/2015 VND	01/07/2014 VND
Kinh phí công đoàn	68.669.030	67.838.976
Bảo hiểm xã hội	33.378.370	35.049.742
Phải trả cổ tức	31.587.859	20.253.424
Phải trả lãi chậm nộp	9.503.971.130	9.182.747.700
Phải trả, phải nộp khác	-	25.000.000
	<b>(*) 9.637.606.389</b>	<b>16.866.414.394</b>

(\*) Trong đó phải trả các bên liên quan là 9.503.971.130 VND.

**4.18 Dự phòng phải trả ngắn hạn**

	30/06/2015 VND	01/07/2014 VND
Chi phí tái cấu trúc doanh nghiệp	4.506.392.875	-
Dự phòng phải trả khác	-	319.380.623
	<b>4.506.392.875</b>	<b>319.380.623</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SÓC TRĂNG  
Số 845 đường Phạm Hùng, phường 8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015

**4.19 Quỹ khen thưởng phúc lợi**

	01/07/2014 VND	Trích lập quỹ VND	Sử dụng quỹ VND	30/06/2015 VND
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.188.958.369	1.352.718.202	(3.507.676.350)	34.000.221
Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ	3.285.395.500	-	-	3.285.395.500
Quỹ thưởng Ban Điều Hành	7.723.180	220.762.748	(220.500.000)	7.985.928
	<b>5.482.077.049</b>	<b>1.573.480.950</b>	<b>(3.728.176.350)</b>	<b>3.327.381.649</b>

**4.20 Phải trả dài hạn khác**

	30/06/2015 VND	01/07/2014 VND
<b>Phải trả nhận ký quỹ:</b>		
Công ty CPSX-TM Bao Bi Thành Thành Công	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty Đầu Tư Thành Thành Công	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty TNHH Kim Hà Việt	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Mía đường Cần Thơ	-	2.500.000.000
	<b>6.000.000.000</b>	<b>8.500.000.000</b>

**4.21 Vay và nợ dài hạn**

	30/06/2015 VND	01/07/2014 VND
Vay dài hạn	71.239.543.348	52.521.083.926
Trừ: Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 4.12)	(15.960.407.427)	(12.107.200.000)
	<b>55.279.135.921</b>	<b>40.413.883.926</b>

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay và nợ dài hạn hiện còn số dư như sau:

Mục đích vay	Lãi suất %/Năm	30/06/2015 VND	01/07/2014 VND
Ngân hàng Agribank – Chi nhánh Sóc Trăng	5,4	18.224.253.926	23.444.253.926
Ngân hàng VDB – Chi nhánh Sóc Trăng	5,4	10.738.030.000	13.808.030.000
Ngân hàng ACB – Chi nhánh Sóc Trăng	8 - 10	42.277.259.422	15.268.800.000
		<b>71.239.543.348</b>	<b>52.521.083.926</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/06/2015 VND	01/07/2014 VND
Trong vòng một năm	15.960.407.427	12.107.200.000
Trong năm thứ hai	19.813.614.854	12.107.200.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	35.465.521.067	28.306.683.926
	<b>71.239.543.348</b>	<b>52.521.083.926</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	(15.960.407.427)	(12.107.200.000)
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>55.279.135.921</b>	<b>40.413.883.926</b>

Các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng nhà cửa vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, quyền sử dụng đất có giá trị còn lại là 80.887.067.423 VND (xem Thuyết minh số 4.7 và 4.8) và thế chấp bằng nợ phải thu (xem Thuyết minh số 4.2).

### 4.22 Quỹ phát triển khoa học công nghệ

	2015 VND	2014 VND
Số dư đầu năm	895.598.570	1.306.462.170
Số trích lập trong năm	-	-
Số hoàn nhập trong năm	-	(410.863.600)
Số sử dụng trong năm	(6.119.000)	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>889.479.570</b>	<b>895.598.570</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SÓC TRĂNG

Số 845 đường Phạm Hùng, phường 8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

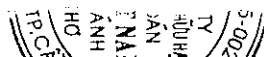
## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015

### 4.23 Vốn chủ sở hữu ("CSH")

	Vốn đầu tư của CSH VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư ngày 01/07/2013	40.000.000.000	22.653.378.916	6.204.891.312	35.784.882.398	104.643.152.626
Lãi trong năm trước	-	-	-	25.121.985.017	25.121.985.017
Trích lập các quỹ	-	6.970.160.985	2.323.386.995	(9.293.547.980)	-
Sử dụng các quỹ	-	-	(1.349.044.453)	-	(1.349.044.453)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(4.720.403.094)	(4.720.403.094)
Chi cổ tức	-	-	-	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
Chi thù lao HĐQT, BKS	-	-	-	(516.000.000)	(516.000.000)
Số dư ngày 01/07/2014	40.000.000.000	29.623.539.901	7.179.233.854	36.376.916.341	113.179.690.096
Lãi trong năm nay	-	-	-	14.831.155.585	14.831.155.585
Trích lập các quỹ	-	7.381.795.505	2.460.598.502	(9.842.394.007)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(1.573.480.950)	(1.573.480.950)
Cổ tức phải trả	-	-	-	(20.000.000.000)	(20.000.000.000)
Chi thù lao hội đồng quản trị, BKS	-	-	-	(516.000.000)	(516.000.000)
Số dư ngày 30/06/2015	<b>40.000.000.000</b>	<b>37.005.335.406</b>	<b>9.639.832.356</b>	<b>19.276.196.969</b>	<b>105.921.364.731</b>

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2200107515 đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 12 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 10 tháng 10 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp, vốn điều lệ của Công ty là 40.000.000.000 VND. Đến ngày 30 tháng 06 năm 2015, vốn đã góp là 40.000.000.000 VND.





CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SÓC TRĂNG  
Số 845 đường Phạm Hùng, phường 8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/06/2015		01/07/2014	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	<b>4.000.000</b>	<b>40.000.000.000</b>	<b>4.000.000</b>	<b>40.000.000.000</b>
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	4.000.000	40.000.000.000	4.000.000	40.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
	<b>4.000.000</b>	<b>40.000.000.000</b>	<b>4.000.000</b>	<b>40.000.000.000</b>
<b>Cổ phiếu quỹ</b>				
Cổ phiếu phổ thông	-	-	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	4.000.000	40.000.000.000	4.000.000	40.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
	<b>4.000.000</b>	<b>40.000.000.000</b>	<b>4.000.000</b>	<b>40.000.000.000</b>

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2015		2014	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	4.000.000	40.000.000.000	4.000.000	40.000.000.000
Cổ phiếu phát hành trong năm	-	-	-	-
Cổ phiếu quỹ mua lại trong năm	-	-	-	-
Giảm vốn cổ phần trong năm	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>4.000.000</b>	<b>40.000.000.000</b>	<b>4.000.000</b>	<b>40.000.000.000</b>

Chi tiết vốn đầu tư của các cổ đông Công ty như sau:

	30/06/2015		01/07/2014	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	10.000.000.000	25	10.000.000.000	25
Văn phòng tỉnh ủy Sóc Trăng	-	-	5.460.000.000	14
Công ty Cổ Phần Mía Đường Cần Thơ	13.030.000.000	33	5.030.000.000	13
Công ty TNHH Kim Hà Việt	9.640.000.000	24	7.000.000.000	18
Các cổ đông khác	7.330.000.000	18	12.510.000.000	30
	<b>40.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>40.000.000.000</b>	<b>100</b>

#### 4.24 Cổ tức

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 số 01/2014/NQ-ĐHĐ ngày 22 tháng 9 năm 2014 của Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua tỷ lệ cổ tức 50%/vốn điều lệ.

**4.25 Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu**

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 số 01/2014/NQ-ĐHĐ ngày 22 tháng 9 năm 2014 của Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua tỷ lệ trích lập các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu như sau: Quỹ dự phòng tài chính là 10%, Quỹ đầu tư phát triển 30%.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**5.1 Doanh thu**

	2015 VND	2014 VND
<b>Tổng doanh thu</b>		
Doanh thu bán thành phẩm	426.799.019.929	525.947.194.219
Doanh thu bán hàng hóa	822.355.426	5.937.908.126
Doanh thu bất động sản	313.467.274	1.965.909.089
Doanh thu bán điện	6.894.770.000	8.689.329.700
Doanh thu bán mật rỉ	33.556.761.623	36.244.409.580
Doanh thu bán hàng khác	415.449.224	328.837.262
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Chiết khấu hàng bán	(10.914.163)	(41.334.407)
Giảm giá hàng bán	(141.142.857)	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>468.649.766.456</b>	<b>579.072.253.569</b>

**5.2 Giá vốn hàng bán**

	2015 VND	2014 VND
Giá vốn bán thành phẩm	396.708.598.445	474.608.956.505
Giá vốn bán hàng hóa	764.215.355	7.531.843.747
Giá vốn bất động sản	-	1.673.448.956
Giá vốn bán mật rỉ	33.556.761.623	36.242.416.906
Giá vốn bán hàng khác	148.625.801	-
Chi phí dự phòng	239.974.703	-
	<b>431.418.175.927</b>	<b>520.056.666.114</b>

**5.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	2015 VND	2014 VND
Lãi tiền gửi	462.140.144	861.709.027
Cổ tức được chia	95.205.000	152.328.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	1.143
	<b>557.345.144</b>	<b>1.014.038.170</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015

### 5.4 Chi phí tài chính

	2015 VND	2014 VND
Lãi tiền vay ngân hàng	3.806.601.263	6.144.728.348
Lãi chậm trả SCIC	321.223.430	1.799.049.923
Lãi tiền nhận ký quỹ, lãi ứng vốn	536.222.207	1.561.520.828
Chi phí tài chính khác	194.592.583	15.852
	<b>4.858.639.483</b>	<b>9.505.314.951</b>

### 5.5 Chi phí bán hàng

	2015 VND	2014 VND
Chi phí nhân viên	1.416.438.155	1.744.231.781
Chi phí vật liệu, bao bì	3.841.008	16.771.592
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	17.434.176	229.754.786
Chi phí khấu hao tài sản cố định	40.725.720	74.515.740
Chi phí dịch vụ mua ngoài	856.308.667	2.888.926.943
Chi phí bằng tiền khác	392.409.646	595.650.373
	<b>2.727.157.372</b>	<b>5.549.851.215</b>

### 5.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2015 VND	2014 VND
Chi phí nhân viên quản lý	6.028.561.621	6.116.364.072
Chi phí đồ dùng văn phòng	180.417.359	825.651.812
Chi phí khấu hao tài sản cố định	305.998.668	305.998.668
Thuế, phí và lệ phí	565.101.908	716.893.429
Chi phí dự phòng	133.667.750	2.304.474.539
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.183.571.501	1.191.996.662
Chi phí bằng tiền khác	3.576.638.628	3.554.108.268
	<b>11.973.957.435</b>	<b>15.015.487.450</b>

### 5.7 Thu nhập khác

	2015 VND	2014 VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	427.272.727	-
Thu tiền bán phế liệu	644.565.040	124.070.874
Thu lãi trả chậm	469.693.540	-
Hoàn nhập các chi phí trích trước	47.164.702	1.031.702.895
Hoàn nhập quỹ đầu tư phát triển KH và CN	-	410.863.600
Thu nhập khác	451.619.386	402.417.594
	<b>2.040.315.395</b>	<b>1.969.054.963</b>

**5.8 Chi phí khác**

	2015 VND	2014 VND
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	1.053.027.984	459.668.793
Giá trị phế liệu thanh lý	82.163.903	164.616.155
Chi hỗ trợ công đoàn	100.000.000	-
Các khoản phạt về thuế, hành chính	-	91.100.000
Chi phí khác	58.481.836	174.504.637
	<b>1.293.673.723</b>	<b>889.889.585</b>

**5.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	2015 VND	2014 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>18.975.823.055</b>	<b>31.038.137.387</b>
Lợi nhuận hoạt động kinh doanh hưởng ưu đãi	-	29.468.458.957
Lợi nhuận kinh doanh bất động sản	-	292.460.133
Lợi nhuận từ hoàn nhập quỹ phát triển KH&CN	-	410.863.600
Lợi nhuận khác	18.975.823.055	866.354.697
<b>Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán:</b>		
Các khoản điều chỉnh tăng	6.851.376.661	4.692.197.662
Các khoản điều chỉnh giảm	(409.468.576)	(1.327.890.895)
<b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b>25.417.731.140</b>	<b>34.402.444.154</b>
Thu nhập hoạt động kinh doanh hưởng ưu đãi (*)	4.784.059.326	33.925.458.989
Thu nhập kinh doanh bất động sản	-	292.460.133
Thu nhập từ hoàn nhập quỹ phát triển KH&CN	-	410.863.600
Thu nhập khác	20.633.671.814	(226.338.568)
<b>Thuế suất thuế TNDN</b>		
Thu nhập hoạt động kinh doanh hưởng ưu đãi	20%*50%	20%*50%
Thu nhập kinh doanh bất động sản	-	22%
Thu nhập từ hoàn nhập quỹ phát triển KH&CN	-	20%*50%
Thu nhập khác	22%	20%*50%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>5.017.813.732</b>	<b>5.497.286.857</b>

(\*) Đây là khoản trích trước chi phí của các năm trước Công ty kê khai bổ sung.

**5.10 Chi phí (lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại**

	2015 VND	2014 VND
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại	(873.146.262)	(309.455.440)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	728.320.953
<b>Chi phí (lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>(873.146.262)</b>	<b>418.865.513</b>

**5.11 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	2015 VND	2014 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	14.831.155.585	25.121.985.017
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu thường	14.831.155.585	25.121.985.017
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.000.000	4.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>3.708</b>	<b>6.280</b>

**5.12 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	2015 VND	2014 VND
Chi phí nguyên liệu vật liệu	366.160.340.111	464.893.089.634
Chi phí nhân công	27.090.868.878	35.768.592.271
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.101.938.601	15.143.697.256
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.324.513.430	14.899.283.966
Chi phí bằng tiền khác	5.273.541.058	7.541.929.014
	<b>422.951.202.078</b>	<b>538.246.592.141</b>

**6. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty.

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, đầu tư tài chính, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh số 3.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2015 VND	01/07/2014 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.303.082.014	9.400.600.087
Phải thu	27.068.822.743	19.344.491.083
	<b>32.371.904.757</b>	<b>28.745.091.170</b>

	Giá trị ghi số	
	30/06/2015 VND	01/07/2014 VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ ngắn hạn, dài hạn	92.933.282.661	52.521.083.926
Phải trả người bán	5.425.459.822	677.476.263
Phải trả khác	15.535.558.989	17.728.001.124
Chi phí phải trả	1.822.576.327	8.801.895.325
	<b>115.716.877.799</b>	<b>79.728.456.638</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng chưa đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Các rủi ro tài chính chủ yếu của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

#### **Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu sẽ chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

#### **Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty liên quan đến các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

#### **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

#### **Phải thu khách hàng**

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Các khoản phải thu khách hàng thường xuyên được theo dõi. Trên cơ sở này và các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.



*Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì tiền gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

<b>30/06/2015</b>	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1 – 5 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Các khoản vay	37.654.146.740	55.279.135.921	92.933.282.661
Phải trả người bán	5.425.459.822	-	5.425.459.822
Phải trả khác	9.535.558.989	6.000.000.000	15.535.558.989
Chi phí phải trả	1.822.576.327	-	1.822.576.327
	<b>54.437.741.878</b>	<b>61.279.135.921</b>	<b>115.716.877.799</b>

<b>01/07/2014</b>	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1 – 5 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Các khoản vay	12.107.200.000	40.413.883.926	52.521.083.926
Phải trả người bán	677.476.263	-	677.476.263
Phải trả khác	9.228.001.124	8.500.000.000	17.728.001.124
Chi phí phải trả	8.801.895.325	-	8.801.895.325
	<b>30.814.572.712</b>	<b>48.913.883.926</b>	<b>79.728.456.638</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

<b>30/06/2015</b>	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1 – 5 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.303.082.014	-	5.303.082.014
Phải thu	26.996.822.743	72.000.000	27.068.822.743
	<b>32.299.904.757</b>	<b>72.000.000</b>	<b>32.371.904.757</b>

<b>01/07/2014</b>	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1 – 5 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.400.600.087	-	9.400.600.087
Phải thu	19.344.491.083	-	19.344.491.083
	<b>28.745.091.170</b>	<b>-</b>	<b>28.745.091.170</b>

### Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp tại ngân hàng dùng để đảm bảo các khoản vay là nhà cửa vật kiến trúc, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải, quyền sử dụng đất và phải thu thương mại của Công ty (Thuyết minh 4.7, 4.8 và Thuyết minh 4.2)

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 30/06/2015 và ngày 01/07/2014.

## 7. CÁC THÔNG TIN KHÁC

### Nghiệp vụ chủ yếu và số dư với các bên có liên quan

Trong năm tài chính này có phát sinh nghiệp vụ chủ yếu với các bên có liên quan như sau:

Các tổ chức liên quan	Nội dung nghiệp vụ	2015 VND	2014 VND
Tổng Công ty Đầu Tư và Kinh Doanh Vốn Nhà Nước	Phải trả lãi cổ phần, lãi cổ tức	321.223.430	1.799.049.923
	Chia cổ tức	5.000.000.000	2.500.000.000
Công ty TNHH Kim Hà Việt	Bán hàng	59.022.857.142	43.601.660.000
	Mua hàng	9.367.562.586	13.310.133.333
	Phải trả lãi ký quỹ	131.805.551	334.805.553
	Chia cổ tức	3.500.000.000	750.000.000
	Lãi trả chậm	53.599.168	87.736.949
Công ty Cổ Phần Mía Đường Cần Thơ	Phải trả lãi ký quỹ	145.833.331	516.215.279
	Chia cổ tức	5.015.000.000	1.257.500.000
Công ty Cổ Phần Vận Tải Mía Đường Sóc Trăng	Bán hàng	67.003.748	9.594.500
	Bán điện	35.489.818	11.397.755
	Cho thuê kios	-	52.800.000
	Mua hàng	237.388.282.400	276.667.264.003
	Thuê vận chuyển, bốc xếp	5.474.219.703	9.146.184.549
	Nhận cổ tức	95.205.000	152.328.000
	Chia cổ tức	-	1.355.000
	Thu phạt tài liệu	-	8.000.000

Số dư các khoản phải thu/(phải trả) với các bên có liên quan như sau:

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	30/06/2015 VND	01/07/2014 VND
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước	Phải trả lãi cổ phần, lãi cổ tức	(9.503.971.130)	(9.182.747.700)
	Phải trả nợ gốc cổ phần	-	(7.535.524.552)
Công ty TNHH Kim Hà Việt	Phải thu bán hàng	26.959.671.867	7.089.353.783
	Nhận ký quỹ	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
	Phải trả lãi ký quỹ	(10.833.333)	(21.305.555)
Công ty Cổ Phần Mía Đường Cần Thơ	Phải trả nhận ký quỹ	-	(2.500.000.000)
	Phải trả lãi ký quỹ	-	(30.729.166)
Công ty CP Vận Tải Mía Đường Sóc Trăng	Phải trả mua hàng	(10.487.625)	(31.582.006)

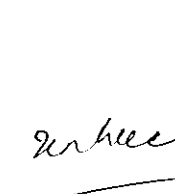




Thu nhập cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc như sau:

	2015 VND	2014 VND
Lương thưởng	833.173.150	762.787.822
Các khoản khác	600.000.000	600.000.000
	<u>1.433.173.150</u>	<u>1.362.787.822</u>



**NGUYỄN XUÂN CƯỜNG**  
 Người lập biểu

**MAI HOÀNG PHÚC**  
 Kế toán trưởng

**NGUYỄN VĂN BÌNH**  
 @. Tổng Giám đốc  
 Sóc Trăng, ngày 30 tháng 7 năm 2015

